

Số: 245/QĐ-TĐHTPHCM

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 3 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận tốt nghiệp đợt 1 năm học 2022-2023
đối với Khóa 06, 07 đại học chính quy

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 3479/QĐ-BTNMT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 740/QĐ-TĐHTPHCM ngày 28 tháng 8 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Quyết định số 141/QĐ-TĐHTPHCM ngày 20 tháng 02 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh về việc thành lập Hội đồng xét tốt nghiệp Đại học chính quy và liên thông Vừa làm vừa học – Năm học 2022-2023;

Căn cứ Biên bản họp ngày 09 tháng 3 năm 2023 của Hội đồng xét tốt nghiệp về việc xét công nhận tốt nghiệp đợt 1 năm học 2022-2023 đối với sinh viên Khóa 03, 04, 05, 06, 07 đại học chính quy;

Xét đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp đợt 1 năm học 2022-2023 đối với **324** sinh viên Khóa 06, 07 đại học chính quy (Đính kèm theo danh sách).

Điều 2. Sinh viên có tên trong danh sách được hưởng mọi quyền lợi theo quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực từ ngày ký. Các ông (bà) Trưởng phòng: Đào tạo, Công tác Sinh viên, Kế hoạch - Tài chính, Trưởng các Khoa và những sinh viên có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ GD&ĐT (báo cáo);
- Bộ TN&MT (báo cáo);
- Phó Hiệu trưởng (để biết);
- Lưu VT, ĐT.



HIỆU TRƯỞNG

Huỳnh Quyền

DANH SÁCH

Sinh viên Khóa 06, 07 đại học chính quy đủ điều kiện tốt nghiệp đợt 1 năm học 2022-2023

(Ban hành kèm theo Quyết định số 245 ngày 14/03/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh)

STT	Mã sinh viên	Họ Đệm	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Lớp	Số TCTL	Điểm TBC Hệ 10	Điểm TBTL hệ 4	Xếp loại TN	Ngành
1	0650140007	Hán Thị Hồng	Huế	11/09/1999	Phú Thọ	Nữ	06_DH_BĐKH	134	7.44	3.05	Khá	Biến đổi khí hậu và phát triển bền vững
2	0650140010	Trương Quốc	Khánh	22/12/1999	Long An	Nam	06_DH_BĐKH	134	6.15	2.26	Trung bình	Biến đổi khí hậu và phát triển bền vững
3	0650140015	Trần Thị Thanh	Thúy	06/07/1999	Long An	Nữ	06_DH_BĐKH	134	6.7	2.55	Khá	Biến đổi khí hậu và phát triển bền vững
4	0650140018	Bùi Lễ Nam	Tiến	24/01/1999	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nam	06_DH_BĐKH	134	6.27	2.29	Trung bình	Biến đổi khí hậu và phát triển bền vững
5	0650140019	Đỗ Văn	Tuấn	01/09/1999	Quảng Ngãi	Nam	06_DH_BĐKH	134	6.56	2.47	Trung bình	Biến đổi khí hậu và phát triển bền vững
6	0550060066	Trần Hồng	Quân	02/10/1998	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nam	06_DH_CTN	136	7.03	2.78	Khá	Cấp thoát nước
7	0650020032	Nguyễn Ngọc	Thiều	23/01/1999	Ninh Thuận	Nam	06_DH_KTMT1	135	6.03	2.14	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật môi trường
8	0650020034	Nguyễn Hoàng	Thương	06/03/1999	Long An	Nam	06_DH_KTMT1	135	6.91	2.7	Khá	Công nghệ kỹ thuật môi trường
9	0650020091	Nguyễn Quốc Gia	Bảo	02/12/1999	TP. Hồ Chí Minh	Nam	06_DH_KTMT3	135	6.32	2.32	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật môi trường
10	0650080055	Lê Thị Lệ	Hằng	26/09/1999	Quảng Ngãi	Nữ	06_DH_CNTT2	135	6.93	2.73	Khá	Công nghệ thông tin
11	0650080056	Nguyễn Thanh	Hằng	16/04/1999	Long An	Nữ	06_DH_CNTT2	135	6.4	2.36	Trung bình	Công nghệ thông tin
12	0650080075	Nguyễn Văn	Thắng	10/10/1999	An Giang	Nam	06_DH_CNTT2	135	6.34	2.27	Trung bình	Công nghệ thông tin
13	0650080078	Nguyễn Đức	Thiện	31/01/1999	Đắk Lắk	Nam	06_DH_CNTT2	135	6.16	2.24	Trung bình	Công nghệ thông tin
14	0650080085	Nguyễn Ngọc Minh	Uyên	18/10/1999	Gia Lai	Nữ	06_DH_CNTT2	135	6.11	2.2	Trung bình	Công nghệ thông tin
15	0650080092	Nguyễn Minh	Hải	31/01/1999	Long An	Nam	06_DH_CNTT3	132	7.18	2.89	Khá	Công nghệ thông tin
16	0650080117	Đào Phúc Anh	Tài	08/09/1999	TP. Hồ Chí Minh	Nam	06_DH_CNTT3	135	7.1	2.79	Khá	Công nghệ thông tin
17	0650080123	Lê Hữu	Tinh	09/10/1999	Bình Thuận	Nam	06_DH_CNTT3	135	6.92	2.7	Khá	Công nghệ thông tin
18	0650100004	Bùi Tiến	Hậu	29/08/1999	TP. Hồ Chí Minh	Nam	06_DH_DTV	132	6.31	2.28	Trung bình	Địa chất học
19	0650070002	Lý Quốc Thiên	Ân	02/08/1999	TP. Hồ Chí Minh	Nam	06_DH_HTTT	133	6.46	2.42	Trung bình	Hệ thống thông tin
20	0650110002	Nguyễn Thị Vân	Anh	16/02/1999	Kiên Giang	Nữ	06_DH_KTTN1	132	6.06	2.16	Trung bình	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên

STT	Mã sinh viên	Họ Đệm	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Lớp	Số TCTL	Điểm TBC Hệ 10	Điểm TBTL hệ 4	Xếp loại TN	Ngành
21	0650110055	Bùi Thị Hồng	Hà	21/08/1999	Bình Định	Nữ	06_DH_KTTN2	132	7.17	2.86	Khá	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên
22	0650150028	Lê Chí	Tài	10/06/1999	Long An	Nam	06_DH_TNN	134	6.49	2.42	Trung bình	Kỹ thuật tài nguyên nước
23	0650030042	Trần Duy	Quang	07/04/1999	TP. Hồ Chí Minh	Nam	06_DH_KTDC	135	6.16	2.21	Trung bình	Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ
24	0650030006	Nguyễn Quốc	Cường	08/09/1999	Lâm Đồng	Nam	06_DH_TDTH	135	6.65	2.47	Trung bình	Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ
25	0650030060	Nguyễn Cẩm	Vân	09/03/1999	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	06_DH_TDTH	135	6.36	2.34	Trung bình	Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ
26	0650040060	Nguyễn Đức	Chí	23/09/1999	Bình Phước	Nam	06_DH_QB	136	6.38	2.41	Trung bình	Quản lý đất đai
27	0650040231	Trần Thị Mỹ	Duyên	29/06/1998	Đắk Lắk	Nữ	06_DH_QB	136	7.02	2.76	Khá	Quản lý đất đai
28	0550040141	Trương Lam	Ý	04/10/1998	Cà Mau	Nữ	06_DH_QB	136	7.12	2.84	Khá	Quản lý đất đai
29	0650040021	Nguyễn Thị Kim	Ngân	28/12/1998	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	06_DH_QH	136	7.1	2.83	Khá	Quản lý đất đai
30	0650040002	Phạm Nguyễn Hùng	Anh	07/01/1999	TP. Hồ Chí Minh	Nam	06_DH_QT	136	6.35	2.35	Trung bình	Quản lý đất đai
31	0650040019	Hồ Vũ Yến	Minh	27/12/1999	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	06_DH_QT	136	6.38	2.39	Trung bình	Quản lý đất đai
32	0650040027	Lê Khánh	Nhân	15/08/1999	Long An	Nam	06_DH_QT	136	6.13	2.21	Trung bình	Quản lý đất đai
33	0650040210	Lâm Ngọc	Thành	02/03/1999	TP. Hồ Chí Minh	Nam	06_DH_QT	136	6.45	2.45	Trung bình	Quản lý đất đai
34	0650040105	Huỳnh Kim	Trúc	13/05/1998	Tiền Giang	Nữ	06_DH_QT	136	6.87	2.69	Khá	Quản lý đất đai
35	0650120049	Trần Minh	Tường	22/03/1999	Tây Ninh	Nam	06_DH_QLTN1	137	6.16	2.24	Trung bình	Quản lý tài nguyên và môi trường
36	0650120141	Võ Phước	Thành	28/10/1999	Kiên Giang	Nam	06_DH_QLTN3	137	6.72	2.61	Khá	Quản lý tài nguyên và môi trường
37	0650120154	Phan Huỳnh Minh	Tuấn	24/06/1999	TP. Hồ Chí Minh	Nam	06_DH_QLTN3	137	6.5	2.43	Trung bình	Quản lý tài nguyên và môi trường
38	0650120156	Võ Thuyết	Vân	20/10/1999	TP. Hồ Chí Minh	Nam	06_DH_QLTN3	135	6.08	2.19	Trung bình	Quản lý tài nguyên và môi trường
39	0650120175	Phạm Tiến	Lực	10/02/1999	Thanh hóa	Nam	06_DH_QLTN4	137	7.04	2.77	Khá	Quản lý tài nguyên và môi trường
40	0650050003	Nguyễn Thị	Huyền	02/01/1999	Quảng Bình	Nữ	06_DH_TV	131	7.06	2.87	Khá	Thủy văn
41	0750140001	Nguyễn Thu	Hương	25/11/2000	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	07_DH_BDKH	134	7.89	3.34	Giỏi	Biến đổi khí hậu và phát triển bền vững
42	0750140003	Bùi Minh	Nhật	07/12/2000	TP. Hồ Chí Minh	Nam	07_DH_BDKH	134	7.3	2.95	Khá	Biến đổi khí hậu và phát triển bền vững
43	0750020012	Vũ Ngọc	Hân	18/01/2000	Bình Phước	Nữ	07_DH_KTMT1	134	7.15	2.85	Khá	Công nghệ kỹ thuật môi trường

STT	Mã sinh viên	Họ Đệm	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Lớp	Số TCTL	Điểm TBC Hệ 10	Điểm TBTL hệ 4	Xếp loại TN	Ngành
44	0750020052	Đào Thị Kim	Hoàng	07/02/2000	Đồng Tháp	Nữ	07_ĐH_KTMT2	134	6.8	2.62	Khá	Công nghệ kỹ thuật môi trường
45	0750020053	Lê Trần Minh	Khang	10/06/2000	Bến Tre	Nam	07_ĐH_KTMT2	134	6.59	2.49	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật môi trường
46	0750020058	Nguyễn Hứa Bảo	Ngân	23/06/2000	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	07_ĐH_KTMT2	134	6.45	2.4	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật môi trường
47	0750020080	Lê Anh	Văn	10/02/2000	Bà Rịa Vũng Tàu	Nam	07_ĐH_KTMT2	134	6.15	2.24	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật môi trường
48	0750020092	Nguyễn Tiến	Đạt	29/10/2000	TP. Hồ Chí Minh	Nam	07_ĐH_KTMT3	134	6.5	2.47	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật môi trường
49	0750020089	Nguyễn Hoàng	Dũng	07/06/1999	Bình Dương	Nam	07_ĐH_KTMT3	134	6.64	2.53	Khá	Công nghệ kỹ thuật môi trường
50	0750020095	Nguyễn Trung	Hiếu	28/04/2000	TP. Hồ Chí Minh	Nam	07_ĐH_KTMT3	134	6.8	2.66	Khá	Công nghệ kỹ thuật môi trường
51	0750020097	Dương Minh	Huy	22/06/2000	An Giang	Nam	07_ĐH_KTMT3	134	6.76	2.61	Khá	Công nghệ kỹ thuật môi trường
52	0750020103	Trần Thị Kim	Ngân	23/11/1999	Trà Vinh	Nữ	07_ĐH_KTMT3	134	6.98	2.72	Khá	Công nghệ kỹ thuật môi trường
53	0750020108	Lê Đoàn Quỳnh	Như	26/02/2000	Ninh Thuận	Nữ	07_ĐH_KTMT3	134	6.92	2.74	Khá	Công nghệ kỹ thuật môi trường
54	0750020109	Đặng Văn	Nhuân	20/11/1999	Nghệ An	Nam	07_ĐH_KTMT3	134	6.76	2.63	Khá	Công nghệ kỹ thuật môi trường
55	0750020115	Văn Thị Hồng	Thanh	19/11/2000	Long An	Nữ	07_ĐH_KTMT3	134	6.57	2.49	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật môi trường
56	0750020123	Huỳnh Kim	Trúc	03/09/2000	Kiên Giang	Nữ	07_ĐH_KTMT3	134	6.84	2.64	Khá	Công nghệ kỹ thuật môi trường
57	0750020124	Phan Thị Mộng	Tuyền	14/06/2000	Đồng Tháp	Nữ	07_ĐH_KTMT3	134	7.12	2.84	Khá	Công nghệ kỹ thuật môi trường
58	0750080001	Phạm Huỳnh	Anh	12/03/2000	Vĩnh Long	Nữ	07_ĐH_CNNT1	135	6.42	2.38	Trung bình	Công nghệ thông tin
59	0750080002	Lê Nguyễn An	Bình	11/10/2000	Tiền Giang	Nam	07_ĐH_CNNT1	135	6.75	2.62	Khá	Công nghệ thông tin
60	0750080011	Lưu Thế	Hùng	18/02/2000	TP. Hồ Chí Minh	Nam	07_ĐH_CNNT1	135	6.86	2.69	Khá	Công nghệ thông tin
61	0750080013	Nguyễn Quốc	Huy	03/05/2000	TP. Hồ Chí Minh	Nam	07_ĐH_CNNT1	135	6.78	2.59	Khá	Công nghệ thông tin
62	0750080028	Nguyễn Hoàng Gia	Quy	13/05/2000	Ninh Thuận	Nữ	07_ĐH_CNNT1	135	7.09	2.8	Khá	Công nghệ thông tin
63	0750080030	Ngô Trường	Thanh	23/11/2000	Kiên Giang	Nam	07_ĐH_CNNT1	135	6.76	2.63	Khá	Công nghệ thông tin
64	0750080033	Nguyễn Thị Minh	Thùy	10/01/1999	Khánh Hoà	Nữ	07_ĐH_CNNT1	135	6.72	2.57	Khá	Công nghệ thông tin
65	0750080035	Nguyễn Thị Cẩm	Tiên	12/12/2000	Long An	Nữ	07_ĐH_CNNT1	135	7.16	2.84	Khá	Công nghệ thông tin
66	0750080036	Trần Trung	Tín	09/12/2000	Bình Dương	Nam	07_ĐH_CNNT1	135	6.61	2.44	Trung bình	Công nghệ thông tin

STT	Mã sinh viên	Họ Đệm	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Lớp	Số TCTL	Điểm TBC Hệ 10	Điểm TBTL hệ 4	Xếp loại TN	Ngành
67	0750080038	Trần Vĩnh	Trí	09/09/2000	Tiền Giang	Nam	07_DH_CNTT1	135	7.09	2.81	Khá	Công nghệ thông tin
68	0750080040	Trần Trí	Trung	15/06/2000	Sóc Trăng	Nam	07_DH_CNTT1	135	6.85	2.68	Khá	Công nghệ thông tin
69	0750080041	Huỳnh Thị Cẩm	Tú	13/03/2000	Sóc Trăng	Nữ	07_DH_CNTT1	135	6.78	2.58	Khá	Công nghệ thông tin
70	0750080042	Trần Xuân	Tú	10/04/2000	Đắk Lắk	Nam	07_DH_CNTT1	135	7.16	2.87	Khá	Công nghệ thông tin
71	0750080054	Hồ Đức	Dũng	01/01/2000	Gia Lai	Nam	07_DH_CNTT2	135	6.73	2.63	Khá	Công nghệ thông tin
72	0750080094	Ngô Quang	Trường	24/01/2000	Đắk Lắk	Nam	07_DH_CNTT2	135	6.75	2.61	Khá	Công nghệ thông tin
73	0750080104	Dương Anh	Dũng	06/04/1996	Kiên Giang	Nam	07_DH_CNTT3	135	6.94	2.75	Khá	Công nghệ thông tin
74	0750080110	Phan Hữu	Hùng	11/02/2000	Đắk Nông	Nam	07_DH_CNTT3	135	6.22	2.29	Trung bình	Công nghệ thông tin
75	0750080109	Phan Trọng	Hùng	22/09/2000	Lâm Đồng	Nam	07_DH_CNTT3	135	6.04	2.17	Trung bình	Công nghệ thông tin
76	0750080147	Võ Thị Ánh	Tuyết	01/01/2000	Quảng Nam	Nữ	07_DH_CNTT3	135	6.32	2.32	Trung bình	Công nghệ thông tin
77	0750080162	K'	Aben	11/02/1999	Lâm Đồng	Nam	07_DH_CNTT4	135	6.35	2.34	Trung bình	Công nghệ thông tin
78	0750080152	Tạ Văn	Cường	28/11/2000	Tây Ninh	Nam	07_DH_CNTT4	135	7.19	2.86	Khá	Công nghệ thông tin
79	0750080155	Nguyễn Long	Đinh	27/06/2000	Bến Tre	Nam	07_DH_CNTT4	135	6.93	2.7	Khá	Công nghệ thông tin
80	0750080156	Châu Nguyễn Ngọc	Duy	20/12/2000	Cà Mau	Nữ	07_DH_CNTT4	135	6.98	2.72	Khá	Công nghệ thông tin
81	0750080159	Võ Lê Thanh	Hậu	24/03/2000	Đắk Lắk	Nam	07_DH_CNTT4	135	6.76	2.64	Khá	Công nghệ thông tin
82	0750080160	Lê Đức	Hiển	08/07/1999	An Giang	Nam	07_DH_CNTT4	135	6.8	2.62	Khá	Công nghệ thông tin
83	0750080165	Mông Vĩ	Kiệt	14/01/2000	TP. Hồ Chí Minh	Nam	07_DH_CNTT4	135	7.19	2.89	Khá	Công nghệ thông tin
84	0750080167	Nguyễn Thị Tuấn	Lê	22/09/2000	Hà Tĩnh	Nữ	07_DH_CNTT4	135	6.63	2.54	Khá	Công nghệ thông tin
85	0750080172	Trần Nguyễn Yến	Ngà	28/12/2000	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	07_DH_CNTT4	135	7.78	3.19	Khá	Công nghệ thông tin
86	0750080176	Phạm Minh	Nhật	29/07/2000	TP. Hồ Chí Minh	Nam	07_DH_CNTT4	135	7.11	2.81	Khá	Công nghệ thông tin
87	0750080181	Võ Minh	Phụng	18/10/2000	TP. Hồ Chí Minh	Nam	07_DH_CNTT4	135	6.53	2.49	Trung bình	Công nghệ thông tin
88	0750080185	Nguyễn Thanh	Tài	03/12/2000	TP. Hồ Chí Minh	Nam	07_DH_CNTT4	135	6.09	2.21	Trung bình	Công nghệ thông tin
89	0750080188	Lữ Sĩ	Thuận	16/11/2000	Đồng Nai	Nam	07_DH_CNTT4	135	6.73	2.59	Khá	Công nghệ thông tin

STT	Mã sinh viên	Họ Đệm	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Lớp	Số TCTL	Điểm TBC Hệ 10	Điểm TBTL hệ 4	Xếp loại TN	Ngành
90	0750100001	Nguyễn Nhật Minh	Châu	04/06/2000	TP. Hồ Chí Minh	Nam	07_DH_DMT	134	6.37	2.37	Trung bình	Địa chất học
91	0750100009	Lê Quang	Huy	25/09/2000	Thái Bình	Nam	07_DH_DMT	134	6.56	2.46	Trung bình	Địa chất học
92	0750100011	Trần Bá	Khiêm	27/09/2000	Tây Ninh	Nam	07_DH_DTV	132	6.44	2.41	Trung bình	Địa chất học
93	0750070004	Nguyễn Mạnh	Cường	18/01/2000	Đắk Lắk	Nam	07_DH_HTTT	132	7.03	2.72	Khá	Hệ thống thông tin
94	0750070008	Lê Văn	Đạt	06/08/2000	Tiền Giang	Nam	07_DH_HTTT	132	7.24	2.95	Khá	Hệ thống thông tin
95	0750070005	Lê Ngọc Mỹ	Dung	13/09/2000	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	07_DH_HTTT	132	7.97	3.32	Giỏi	Hệ thống thông tin
96	0750070006	Đỗ Mỹ	Duyên	14/05/2000	Bến tre	Nữ	07_DH_HTTT	132	7.16	2.8	Khá	Hệ thống thông tin
97	0750070010	Đỗ Thanh Thanh	Hà	01/05/2000	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	07_DH_HTTT	132	7.37	2.92	Khá	Hệ thống thông tin
98	0750070012	Lê Nhật	Hạ	05/05/2000	Bình Phước	Nữ	07_DH_HTTT	132	6.87	2.66	Khá	Hệ thống thông tin
99	0750070018	Từ Thị Thúy	Hiền	24/01/2000	Quảng Ngãi	Nữ	07_DH_HTTT	132	7.1	2.82	Khá	Hệ thống thông tin
100	0750070019	Trần Nguyễn Như	Hoài	18/09/2000	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	07_DH_HTTT	132	7.25	2.82	Khá	Hệ thống thông tin
101	0750070022	Đình Xuân	Huy	10/11/2000	TP. Hồ Chí Minh	Nam	07_DH_HTTT	132	6.8	2.64	Khá	Hệ thống thông tin
102	0750070023	Lê Quang	Huy	01/04/2000	Phú Yên	Nam	07_DH_HTTT	132	7.27	2.92	Khá	Hệ thống thông tin
103	0750070020	Nguyễn Quốc	Huy	08/12/2000	TP. Hồ Chí Minh	Nam	07_DH_HTTT	132	7.41	2.99	Khá	Hệ thống thông tin
104	0750070024	Phan Minh	Khải	01/01/2000	Bến Tre	Nam	07_DH_HTTT	132	7.31	2.96	Khá	Hệ thống thông tin
105	0750070028	Nguyễn Đăng	Khoa	22/03/2000	TP. Hồ Chí Minh	Nam	07_DH_HTTT	132	6.83	2.61	Khá	Hệ thống thông tin
106	0750070029	Đỗ Minh	Khôi	16/02/2000	Bình Định	Nam	07_DH_HTTT	132	7.07	2.76	Khá	Hệ thống thông tin
107	0750070036	Lê Tấn	Minh	06/12/2000	TP. Hồ Chí Minh	Nam	07_DH_HTTT	132	6.7	2.57	Khá	Hệ thống thông tin
108	0750070038	Phan Phương	Nam	01/03/2000	khánh hòa	Nam	07_DH_HTTT	132	7.27	2.94	Khá	Hệ thống thông tin
109	0750070040	Chu Ngọc Kim	Ngân	02/11/2000	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	07_DH_HTTT	132	7.25	2.89	Khá	Hệ thống thông tin
110	0750070043	Đỗ Thúy	Quyen	16/02/2000	Bình Định	Nữ	07_DH_HTTT	132	7.07	2.78	Khá	Hệ thống thông tin
111	0750070045	Hoàng	Thạch	08/09/2000	Đắk Lắk	Nam	07_DH_HTTT	132	6.89	2.68	Khá	Hệ thống thông tin
112	0750070046	Nguyễn Văn	Thắng	24/05/2000	Bình Định	Nam	07_DH_HTTT	132	7.14	2.78	Khá	Hệ thống thông tin

STT	Mã sinh viên	Họ Đệm	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Lớp	Số TCTL	Điểm TBCTC Hệ 10	Điểm TBTL hệ 4	Xếp loại TN	Ngành
113	0750070047	Huỳnh Văn	Thanh	16/09/2000	Bình Định	Nam	07_DH_HTTT	132	7.22	2.83	Khá	Hệ thống thông tin
114	0750070049	Nguyễn Thị Ánh	Thu	23/07/2000	Phú Yên	Nữ	07_DH_HTTT	132	7.36	2.96	Khá	Hệ thống thông tin
115	0750070050	Phạm Thị Hồng	Thư	12/06/2000	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	07_DH_HTTT	132	7.44	3.02	Khá	Hệ thống thông tin
116	0750070052	Hồ Thanh	Thùy	10/07/2000	Bà Rịa Vũng Tàu	Nữ	07_DH_HTTT	132	6.68	2.55	Khá	Hệ thống thông tin
117	0750070054	Trương Minh	Trí	07/11/2000	TP. Hồ Chí Minh	Nam	07_DH_HTTT	132	7.57	3.09	Khá	Hệ thống thông tin
118	0750070056	Đỗ Thị Mỹ	Trinh	13/08/1999	Quảng Ngãi	Nữ	07_DH_HTTT	132	7.56	3.06	Khá	Hệ thống thông tin
119	0750070055	Phạm Kiều Diễm	Trinh	09/04/2000	Long An	Nữ	07_DH_HTTT	132	6.88	2.68	Khá	Hệ thống thông tin
120	0750070059	Phạm Hoàng	Tuấn	31/05/2000	Tây Ninh	Nam	07_DH_HTTT	132	7.1	2.78	Khá	Hệ thống thông tin
121	0750070060	Phạm Tú	Uyên	24/05/1999	Đắk Lắk	Nữ	07_DH_HTTT	132	7.4	2.99	Khá	Hệ thống thông tin
122	0750070062	Nguyễn Vũ Quang	Vinh	01/03/2000	TP. Hồ Chí Minh	Nam	07_DH_HTTT	132	6.66	2.52	Khá	Hệ thống thông tin
123	0750070063	Đỗ Như	Ý	21/07/2000	Bình Định	Nữ	07_DH_HTTT	132	7.44	2.98	Khá	Hệ thống thông tin
124	0750010009	Trần	Long	24/10/2000	TP. Hồ Chí Minh	Nam	07_DH_KT	133	6.95	2.74	Khá	Khí tượng và khí hậu học
125	0750010010	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Như	25/01/2000	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	07_DH_KT	133	6.76	2.61	Khá	Khí tượng và khí hậu học
126	0750010013	Võ Minh	Thảo	20/11/2000	Lâm Đồng	Nữ	07_DH_KT	133	7.08	2.79	Khá	Khí tượng và khí hậu học
127	0750010018	Lê Văn	Tuấn	13/02/2000	Hà Tĩnh	Nam	07_DH_KT	133	6.89	2.68	Khá	Khí tượng và khí hậu học
128	0750110007	Lê Gia	Hung	01/06/2000	Tiền Giang	Nam	07_DH_KTTN1	133	6.56	2.51	Khá	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên
129	0750110011	Lục Trần Anh	Kiệt	27/09/2000	TP. Hồ Chí Minh	Nam	07_DH_KTTN1	133	6.18	2.23	Trung bình	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên
130	0750110014	Dương Gia	Lộc	15/10/2000	Bến Tre	Nam	07_DH_KTTN1	133	6.17	2.24	Trung bình	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên
131	0750110018	Nguyễn Thị Kim	Ngân	03/05/2000	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	07_DH_KTTN1	133	6.49	2.45	Trung bình	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên
132	0750110029	Nguyễn Thanh	Phong	28/02/2000	Bình Thuận	Nam	07_DH_KTTN1	133	6.57	2.5	Khá	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên
133	0750110034	Nguyễn Thị Diễm	Phượng	02/12/2000	Đồng Nai	Nữ	07_DH_KTTN1	133	6.91	2.69	Khá	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên
134	0750110036	Nguyễn Minh	Tâm	22/08/2000	Khánh Hòa	Nam	07_DH_KTTN1	133	6.55	2.48	Trung bình	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên
135	0750110039	Trương Văn	Thành	22/04/2000	TP. Hồ Chí Minh	Nam	07_DH_KTTN1	133	6.24	2.25	Trung bình	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên

STT	Mã sinh viên	Họ Đệm	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Lớp	Số TCTL	Điểm TBC Hệ 10	Điểm TBTL hệ 4	Xếp loại TN	Ngành
136	0750110047	Trần Thị Thu	Xuân	17/10/2000	Sóc Trăng	Nữ	07_ĐH_KTTN1	133	6.85	2.65	Khá	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên
137	0750110050	Đới Thị Ngọc	Ánh	30/01/2000	Nam Định	Nữ	07_ĐH_KTTN2	133	6.47	2.4	Trung bình	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên
138	0750110055	Trương Thị	Hà	29/06/2000	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	07_ĐH_KTTN2	133	6.23	2.31	Trung bình	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên
139	0750110059	Huỳnh Ngọc Kim	Hiền	18/11/2000	Tiền Giang	Nữ	07_ĐH_KTTN2	133	6.57	2.45	Trung bình	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên
140	0750110076	Phan Thị Hồng	Phương	29/01/2000	Bà Rịa Vũng Tàu	Nữ	07_ĐH_KTTN2	133	7.02	2.74	Khá	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên
141	0750110078	Nguyễn Thị Hạ	Quyên	20/07/2000	Khánh Hòa	Nữ	07_ĐH_KTTN2	133	6.39	2.34	Trung bình	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên
142	0750110079	Lê Thành	Rồng	10/12/2000	Cần Thơ	Nam	07_ĐH_KTTN2	133	6.13	2.19	Trung bình	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên
143	0750110085	Nguyễn Trường	Thọ	17/08/2000	TP. Hồ Chí Minh	Nam	07_ĐH_KTTN2	133	6.36	2.35	Trung bình	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên
144	0750110093	Trương Thị Thu	Trang	16/01/2000	Thanh Hóa	Nữ	07_ĐH_KTTN2	133	6.52	2.45	Trung bình	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên
145	0750060008	Đoàn Huỳnh Kim	Duyên	27/10/2000	Tiền Giang	Nữ	07_ĐH_CTN	139	6.29	2.29	Trung bình	Kỹ thuật Cấp thoát nước
146	0750060016	Lê Minh	Hiếu	12/06/2000	TP. Hồ Chí Minh	Nam	07_ĐH_CTN	139	6.34	2.35	Trung bình	Kỹ thuật Cấp thoát nước
147	0750060017	Nguyễn Xuân	Hoàng	09/06/2000	Đồng Nai	Nam	07_ĐH_CTN	139	6.48	2.41	Trung bình	Kỹ thuật Cấp thoát nước
148	0750060021	Trương Phúc	Khang	17/06/2000	Khánh Hòa	Nam	07_ĐH_CTN	139	6.9	2.69	Khá	Kỹ thuật Cấp thoát nước
149	0750060026	Nguyễn Hữu	Lâm	22/04/2000	Đồng Nai	Nam	07_ĐH_CTN	139	6.31	2.24	Trung bình	Kỹ thuật Cấp thoát nước
150	0750060030	Nguyễn Trọng	Nghĩa	05/02/2000	Bến Tre	Nam	07_ĐH_CTN	139	6.72	2.57	Khá	Kỹ thuật Cấp thoát nước
151	0750060032	Nguyễn Hoài	Nhật	14/03/2000	TP. Hồ Chí Minh	Nam	07_ĐH_CTN	139	5.89	2.09	Trung bình	Kỹ thuật Cấp thoát nước
152	0750060036	Trần Hoàng	Phú	10/11/2000	TP. Hồ Chí Minh	Nam	07_ĐH_CTN	139	6.33	2.34	Trung bình	Kỹ thuật Cấp thoát nước
153	0750060037	Nguyễn Thanh	Phương	14/06/2000	Bến Tre	Nữ	07_ĐH_CTN	139	6.72	2.58	Khá	Kỹ thuật Cấp thoát nước
154	0750060040	Đình Lê	Thắng	23/10/2000	TP. Hồ Chí Minh	Nam	07_ĐH_CTN	139	5.86	2.06	Trung bình	Kỹ thuật Cấp thoát nước
155	0750060041	Nguyễn Võ Ngọc	Thảo	05/09/2000	Tiền Giang	Nữ	07_ĐH_CTN	139	6.76	2.6	Khá	Kỹ thuật Cấp thoát nước
156	0750060042	Trương Công	Trí	29/12/2000	Tiền Giang	Nam	07_ĐH_CTN	139	5.94	2.06	Trung bình	Kỹ thuật Cấp thoát nước
157	0750060047	Trần Đại	Vỹ	11/12/2000	Bình Định	Nam	07_ĐH_CTN	139	6.33	2.32	Trung bình	Kỹ thuật Cấp thoát nước
158	0750150004	Trần Hải	Long	25/09/2000	Bến Tre	Nam	07_ĐH_TNN	136	6.6	2.5	Khá	Kỹ thuật tài nguyên nước

STT	Mã sinh viên	Họ Đệm	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Lớp	Số TCTL	Điểm TBC Hệ 10	Điểm TBTL hệ 4	Xếp loại TN	Ngành
159	0750150005	Trần Thị Thu	Nhung	10/07/2000	Long An	Nữ	07_DH_TNN	136	6.59	2.5	Khá	Kỹ thuật tài nguyên nước
160	0750030061	Cao Vũ Hoài	Phát	09/06/2000	Long An	Nam	07_DH_KTBC	136	6.98	2.77	Khá	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ
161	0750030019	Nguyễn Diếp	Phú	14/01/2000	Bến Tre	Nam	07_DH_KTBC	136	6.76	2.6	Khá	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ
162	0750030070	Thị Quốc	Toàn	29/10/2000	Tây Ninh	Nam	07_DH_KTBC	136	7	2.78	Khá	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ
163	0750030056	Bùi Công	Minh	18/01/2000	Long An	Nam	07_DH_TBCT	137	6.24	2.27	Trung bình	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ
164	0750030071	Lê Văn	Toàn	22/03/2000	Bình Định	Nam	07_DH_TBCT	137	6.8	2.66	Khá	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ
165	0750030079	Võ Minh	Tuấn	19/08/2000	TP. Hồ Chí Minh	Nam	07_DH_TBCT	137	6.41	2.39	Trung bình	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ
166	0750030081	Phạm Thanh	Tùng	21/03/2000	TP. Hồ Chí Minh	Nam	07_DH_TBCT	137	6.86	2.63	Khá	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ
167	0750030083	Hà Minh	Vũ	01/10/2000	Tây Ninh	Nam	07_DH_TBCT	137	6.33	2.36	Trung bình	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ
168	0750030031	Nguyễn Văn	Tùng	03/11/2000	Thanh Hóa	Nam	07_DH_TBTH	135	6.62	2.53	Khá	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ
169	0750040117	Nguyễn Phát	Đạt	03/05/2000	Tây Ninh	Nam	07_DH_QB1	136	6.68	2.53	Khá	Quản lý đất đai
170	0750040140	Lê Tấn	Phát	24/09/2000	Long An	Nam	07_DH_QB2	136	6.97	2.72	Khá	Quản lý đất đai
171	0750040179	Nguyễn Tấn	Luân	07/04/2000	TP. Hồ Chí Minh	Nam	07_DH_QB2	136	7.3	2.91	Khá	Quản lý đất đai
172	0750040192	Nguyễn Thiện	Quang	29/08/2000	TP. Hồ Chí Minh	Nam	07_DH_QB2	136	6.89	2.71	Khá	Quản lý đất đai
173	0750040254	Trần Thị Thanh	Thúy	13/02/1999	Tây Ninh	Nữ	07_DH_QB2	136	7.58	3.12	Khá	Quản lý đất đai
174	0750040101	Lê Công	Trí	13/10/2000	TP. Hồ Chí Minh	Nam	07_DH_QB2	136	7.69	3.14	Khá	Quản lý đất đai
175	0750040110	Mang Hồng	Châu	09/10/2000	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	07_DH_QH1	136	6.5	2.45	Trung bình	Quản lý đất đai
176	0750040077	Phạm Thị Yến	Ngọc	08/12/2000	Long An	Nữ	07_DH_QH1	136	6.77	2.6	Khá	Quản lý đất đai
177	0750040157	Huỳnh Thanh	Tùng	24/09/2000	Tây Ninh	Nam	07_DH_QH1	136	6.52	2.47	Trung bình	Quản lý đất đai
178	0750040214	Trần Thái	Anh	12/10/2000	Bình Phước	Nam	07_DH_QH2	136	6.99	2.79	Khá	Quản lý đất đai
179	0750040204	Lê Minh	Triển	19/02/2000	Bình Phước	Nam	07_DH_QH2	136	6.51	2.46	Trung bình	Quản lý đất đai
180	0750040258	Lê Phạm Trọng	Tín	10/06/2000	TP. Hồ Chí Minh	Nam	07_DH_QH2	136	6.88	2.65	Khá	Quản lý đất đai
181	0750040259	Trần Ngọc Phương	Trinh	02/09/2000	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	07_DH_QH2	136	6.61	2.49	Trung bình	Quản lý đất đai

STT	Mã sinh viên	Họ Đệm	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Lớp	Số TCTL	Điểm TBC Hệ 10	Điểm TBTL hệ 4	Xếp loại TN	Ngành
182	0750040010	Lê Văn	Huy	03/03/2000	Bắc Ninh	Nam	07_ĐH_QT1	136	6.62	2.5	Khá	Quản lý đất đai
183	0750040068	Trần Anh	Kiệt	17/10/2000	TP. Hồ Chí Minh	Nam	07_ĐH_QT1	136	6.56	2.47	Trung bình	Quản lý đất đai
184	0750040131	Phạm Thị Ngọc	Liên	15/09/2000	Long An	Nữ	07_ĐH_QT1	136	6.41	2.39	Trung bình	Quản lý đất đai
185	0750040079	Trương Thảo	Nguyễn	27/08/2000	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	07_ĐH_QT1	136	7.02	2.78	Khá	Quản lý đất đai
186	0750040150	Nguyễn Thị Hoài	Thương	28/01/2000	Quảng Ngãi	Nữ	07_ĐH_QT1	136	7.11	2.8	Khá	Quản lý đất đai
187	0750040189	Nguyễn Phan Ngọc	Phát	06/11/2000	TP. Hồ Chí Minh	Nam	07_ĐH_QT2	136	6.39	2.33	Trung bình	Quản lý đất đai
188	0750040159	Trần Thị Hồng	Vân	15/10/2000	Quảng Ngãi	Nữ	07_ĐH_QT2	136	6.95	2.7	Khá	Quản lý đất đai
189	0750040160	Võ Thị Chung	Xuyến	11/01/2000	Quảng Ngãi	Nữ	07_ĐH_QT2	136	6.61	2.47	Trung bình	Quản lý đất đai
190	0750170005	Lê Vạn	Lộc	08/01/2000	TP. Hồ Chí Minh	Nam	07_ĐH_TNKS	134	6.44	2.39	Trung bình	Quản lý tài nguyên khoáng sản
191	0750120001	Nguyễn Lan	Anh	31/07/2000	Long An	Nữ	07_ĐH_QLTN1	138	6.58	2.5	Khá	Quản lý tài nguyên và môi trường
192	0750120004	Nguyễn Thùy	Dung	29/09/2000	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	07_ĐH_QLTN1	138	6.98	2.75	Khá	Quản lý tài nguyên và môi trường
193	0750120009	Đỗ Vinh	Đường	09/01/2000	Gia Lai	Nam	07_ĐH_QLTN1	138	6.82	2.63	Khá	Quản lý tài nguyên và môi trường
194	0750120005	Nguyễn Ngọc Thùy	Duyên	29/07/2000	Khánh Hòa	Nữ	07_ĐH_QLTN1	138	6.95	2.72	Khá	Quản lý tài nguyên và môi trường
195	0750120010	Bùi Huỳnh	Giao	31/05/2000	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	07_ĐH_QLTN1	138	7.55	3.09	Khá	Quản lý tài nguyên và môi trường
196	0750120014	Ngô Thu	Hương	26/08/2000	Gia Lai	Nữ	07_ĐH_QLTN1	138	6.64	2.54	Khá	Quản lý tài nguyên và môi trường
197	0750120016	Nguyễn Kiều	Khanh	09/10/2000	Bình Dương	Nữ	07_ĐH_QLTN1	138	7.27	2.92	Khá	Quản lý tài nguyên và môi trường
198	0750120019	Bùi Phạm Mỹ	Kiều	26/10/2000	Ninh Thuận	Nữ	07_ĐH_QLTN1	138	6.88	2.73	Khá	Quản lý tài nguyên và môi trường
199	0750120021	Nguyễn Trương Hoàng	Long	18/09/2000	TP. Hồ Chí Minh	Nam	07_ĐH_QLTN1	138	7.07	2.84	Khá	Quản lý tài nguyên và môi trường
200	0750120024	Đào Thị Tuyết	Ngân	18/04/2000	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	07_ĐH_QLTN1	138	7.12	2.87	Khá	Quản lý tài nguyên và môi trường
201	0750120026	Nguyễn Thị Thanh	Nhân	22/03/2000	Đồng Tháp	Nữ	07_ĐH_QLTN1	138	7.87	3.29	Giỏi	Quản lý tài nguyên và môi trường
202	0750120027	Mai Yến	Nhi	20/09/2000	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	07_ĐH_QLTN1	138	7.39	2.96	Khá	Quản lý tài nguyên và môi trường
203	0750120028	Nguyễn Thị Hoài	Nhung	23/10/2000	Tây Ninh	Nữ	07_ĐH_QLTN1	138	7.63	3.17	Khá	Quản lý tài nguyên và môi trường
204	0750120041	Nguyễn Quốc	Toàn	16/06/2000	Cà Mau	Nam	07_ĐH_QLTN1	138	7.49	3.07	Khá	Quản lý tài nguyên và môi trường

STT	Mã sinh viên	Họ Đệm	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Lớp	Số TCTL	Điểm TBC Hệ 10	Điểm TBTL hệ 4	Xếp loại TN	Ngành
205	0750120043	Huỳnh Ngọc	Trâm	26/08/2000	An Giang	Nữ	07_DH_QLTN1	138	7.17	2.91	Khá	Quản lý tài nguyên và môi trường
206	0750120046	Trần Minh	Trương	23/12/2000	Long An	Nam	07_DH_QLTN1	138	7.79	3.26	Giỏi	Quản lý tài nguyên và môi trường
207	0750120050	Nguyễn Thị Như	Ý	24/11/2000	Vĩnh Long	Nữ	07_DH_QLTN1	138	6.92	2.7	Khá	Quản lý tài nguyên và môi trường
208	0750120055	Trần Thụy Hồng	Anh	29/03/2000	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	07_DH_QLTN2	138	6.78	2.63	Khá	Quản lý tài nguyên và môi trường
209	0750120056	Lê Mai Ngọc	Ánh	26/10/2000	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	07_DH_QLTN2	138	6.82	2.6	Khá	Quản lý tài nguyên và môi trường
210	0750120057	Võ Xuân	Châu	14/05/1999	Quảng Ngãi	Nam	07_DH_QLTN2	138	6.86	2.65	Khá	Quản lý tài nguyên và môi trường
211	0750120058	Lê Thị Kiều	Chinh	02/09/2000	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	07_DH_QLTN2	138	6.7	2.55	Khá	Quản lý tài nguyên và môi trường
212	0750120059	Lưu Tiến	Dũng	10/11/2000	Thanh Hóa	Nam	07_DH_QLTN2	138	6.41	2.42	Trung bình	Quản lý tài nguyên và môi trường
213	0750120060	Nguyễn Thị Hoàng	Duyên	04/01/2000	Quảng Ngãi	Nữ	07_DH_QLTN2	138	6.67	2.56	Khá	Quản lý tài nguyên và môi trường
214	0750120062	Lê Ngọc	Giàu	08/09/2000	Tây Ninh	Nữ	07_DH_QLTN2	138	7.09	2.86	Khá	Quản lý tài nguyên và môi trường
215	0750120064	Phạm Thị Ngọc	Hân	10/10/2000	Long An	Nữ	07_DH_QLTN2	138	6.56	2.46	Trung bình	Quản lý tài nguyên và môi trường
216	0750120067	Huỳnh Thị Tuyết	Hoa	30/07/2000	Long An	Nữ	07_DH_QLTN2	138	6.35	2.35	Trung bình	Quản lý tài nguyên và môi trường
217	0750120069	Đặng Minh	Hoàng	01/10/2000	Đà Nẵng	Nam	07_DH_QLTN2	138	7.02	2.79	Khá	Quản lý tài nguyên và môi trường
218	0750120072	Nguyễn Nhựt	Minh	21/01/2000	Long An	Nam	07_DH_QLTN2	138	6.55	2.47	Trung bình	Quản lý tài nguyên và môi trường
219	0750120073	Nguyễn Bảo	Ngọc	09/11/2000	Cà Mau	Nữ	07_DH_QLTN2	138	7.35	2.99	Khá	Quản lý tài nguyên và môi trường
220	0750120075	Cao Trần Huỳnh	Như	10/10/2000	Bạc Liêu	Nữ	07_DH_QLTN2	138	7.2	2.86	Khá	Quản lý tài nguyên và môi trường
221	0750120077	Huỳnh Tâm	Phúc	22/12/2000	Bình Dương	Nam	07_DH_QLTN2	138	6.49	2.45	Trung bình	Quản lý tài nguyên và môi trường
222	0750120079	Lý Thanh	Tâm	28/10/2000	TP. Hồ Chí Minh	Nam	07_DH_QLTN2	138	7.03	2.82	Khá	Quản lý tài nguyên và môi trường
223	0750120080	Nguyễn Tất	Tân	29/03/2000	TP. Hồ Chí Minh	Nam	07_DH_QLTN2	138	6.7	2.58	Khá	Quản lý tài nguyên và môi trường
224	0750120081	Nguyễn Tấn	Thành	28/09/2000	Quảng Nam	Nam	07_DH_QLTN2	138	6.84	2.68	Khá	Quản lý tài nguyên và môi trường
225	0750120083	Đặng Thị Kim	Thị	18/03/2000	Tiền Giang	Nữ	07_DH_QLTN2	138	6.82	2.67	Khá	Quản lý tài nguyên và môi trường
226	0750120085	Đặng Thị Ngọc	Thịnh	09/06/2000	Bến Tre	Nữ	07_DH_QLTN2	138	6.72	2.59	Khá	Quản lý tài nguyên và môi trường
227	0750120090	Nguyễn Ngọc Huệ	Trân	16/11/2000	Tây Ninh	Nữ	07_DH_QLTN2	138	7.18	2.9	Khá	Quản lý tài nguyên và môi trường

STT	Mã sinh viên	Họ Đệm	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Lớp	Số TCTL	Điểm TBC Hệ 10	Điểm TBTL hệ 4	Xếp loại TN	Ngành
228	0750120094	Nguyễn Văn	Trung	10/08/2000	Đồng Tháp	Nam	07_DH_QLTN2	138	6.82	2.67	Khá	Quản lý tài nguyên và môi trường
229	0750120095	Bùi Trần Thanh	Tuyền	27/07/2000	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	07_DH_QLTN2	138	6.56	2.49	Trung bình	Quản lý tài nguyên và môi trường
230	0750120100	Bùi Tuấn	Anh	27/05/2000	TP. Hồ Chí Minh	Nam	07_DH_QLTN3	138	7.82	3.24	Giỏi	Quản lý tài nguyên và môi trường
231	0750120099	Hồ Tấn	Anh	27/10/2000	TP. Hồ Chí Minh	Nam	07_DH_QLTN3	138	6.97	2.75	Khá	Quản lý tài nguyên và môi trường
232	0750120105	Phan Hoài	Dung	10/02/2000	Khánh Hòa	Nữ	07_DH_QLTN3	138	7.71	3.16	Khá	Quản lý tài nguyên và môi trường
233	0750120106	Đỗ Thùy	Duyên	13/07/2000	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	07_DH_QLTN3	138	7.49	3.07	Khá	Quản lý tài nguyên và môi trường
234	0750120108	Lý Ngọc Thủy	Giao	08/11/2000	Tiền Giang	Nữ	07_DH_QLTN3	138	6.92	2.69	Khá	Quản lý tài nguyên và môi trường
235	0750120109	Nguyễn Như	Hằng	08/03/2000	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	07_DH_QLTN3	138	7.47	3.06	Khá	Quản lý tài nguyên và môi trường
236	0750120110	Trần Thị Bích	Hạnh	21/01/2000	Lâm Đồng	Nữ	07_DH_QLTN3	138	6.84	2.66	Khá	Quản lý tài nguyên và môi trường
237	0750120115	Phạm Thanh	Huyền	10/04/2000	Thanh Hóa	Nữ	07_DH_QLTN3	138	6.99	2.76	Khá	Quản lý tài nguyên và môi trường
238	0750120116	Tạ Ngọc Mỹ	Linh	14/05/2000	Vĩnh Long	Nữ	07_DH_QLTN3	138	6.51	2.44	Trung bình	Quản lý tài nguyên và môi trường
239	0750120117	Nhan Tấn	Lộc	14/10/2000	TP. Hồ Chí Minh	Nam	07_DH_QLTN3	138	7.09	2.85	Khá	Quản lý tài nguyên và môi trường
240	0750120123	Phạm Hữu	Nghĩa	14/07/2000	Khánh Hòa	Nam	07_DH_QLTN3	138	7.94	3.33	Giỏi	Quản lý tài nguyên và môi trường
241	0750120125	Dương Trí	Nguyễn	15/05/2000	Cà Mau	Nam	07_DH_QLTN3	138	7.63	3.18	Khá	Quản lý tài nguyên và môi trường
242	0750120126	Nguyễn Hoài	Nhân	08/08/2000	TP. Hồ Chí Minh	Nam	07_DH_QLTN3	138	7.96	3.33	Giỏi	Quản lý tài nguyên và môi trường
243	0750120131	Nguyễn Thanh	Phong	23/11/1999	Tây Ninh	Nam	07_DH_QLTN3	138	7.47	3.05	Khá	Quản lý tài nguyên và môi trường
244	0750120134	Khuru Hoàng	Quốc	13/03/2000	Bình Dương	Nam	07_DH_QLTN3	138	7.08	2.82	Khá	Quản lý tài nguyên và môi trường
245	0750120135	Nguyễn Phan Hòa	Thuận	14/12/2000	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	07_DH_QLTN3	138	7.44	3.06	Khá	Quản lý tài nguyên và môi trường
246	0750120136	Nguyễn Thị Kiều	Tiên	10/06/2000	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	07_DH_QLTN3	138	7.18	2.89	Khá	Quản lý tài nguyên và môi trường
247	0750120138	Võ Ngọc Bảo	Trâm	20/05/2000	An Giang	Nữ	07_DH_QLTN3	138	7.1	2.87	Khá	Quản lý tài nguyên và môi trường
248	0750120140	Lê Thị Minh	Trang	03/07/2000	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	07_DH_QLTN3	138	7.24	2.92	Khá	Quản lý tài nguyên và môi trường
249	0750120143	Nguyễn Hồng Trúc	Tuyền	25/02/2000	Bình Thuận	Nữ	07_DH_QLTN3	138	7.59	3.11	Khá	Quản lý tài nguyên và môi trường
250	0750120147	Phạm Thị Hồng	Anh	02/09/1995	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	07_DH_QLTN4	138	6.51	2.46	Trung bình	Quản lý tài nguyên và môi trường

STT	Mã sinh viên	Họ Đệm	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Lớp	Số TCTL	Điểm TBC Hệ 10	Điểm TBTL hệ 4	Xếp loại TN	Ngành
251	0750120148	Hứa Hồng	Cẩm	04/03/2000	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	07_DH_QLTN4	138	7.78	3.24	Giỏi	Quản lý tài nguyên và môi trường
252	0750120149	Trần Huỳnh	Chiêu	03/11/2000	Cà Mau	Nam	07_DH_QLTN4	138	6.76	2.65	Khá	Quản lý tài nguyên và môi trường
253	0750120150	Phan Thị Kiều	Dung	30/10/2000	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	07_DH_QLTN4	138	6.5	2.45	Trung bình	Quản lý tài nguyên và môi trường
254	0750120151	Nguyễn Khương	Duyên	10/11/2000	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	07_DH_QLTN4	138	7.27	2.89	Khá	Quản lý tài nguyên và môi trường
255	0750120154	Nguyễn Thị Bích	Huỳnh	18/11/2000	Long An	Nữ	07_DH_QLTN4	138	6.83	2.69	Khá	Quản lý tài nguyên và môi trường
256	0750120156	Huỳnh Võ Quang	Kiệt	21/10/2000	TP. Hồ Chí Minh	Nam	07_DH_QLTN4	138	7.23	2.88	Khá	Quản lý tài nguyên và môi trường
257	0750120157	Đào Tú	Linh	09/10/2000	Vĩnh Phúc	Nữ	07_DH_QLTN4	138	6.79	2.63	Khá	Quản lý tài nguyên và môi trường
258	0750120161	Nguyễn Thị Kim	Ngân	24/10/1998	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	07_DH_QLTN4	138	7.04	2.83	Khá	Quản lý tài nguyên và môi trường
259	0750120162	Phạm Thị Kiều	Nhi	28/06/2000	Đắk Lắk	Nữ	07_DH_QLTN4	138	6.95	2.71	Khá	Quản lý tài nguyên và môi trường
260	0750120165	Lê Đăng	Quân	15/05/1999	Thanh Hóa	Nam	07_DH_QLTN4	138	6.49	2.42	Trung bình	Quản lý tài nguyên và môi trường
261	0750120166	Hứa Minh	Quang	02/11/2000	TP. Hồ Chí Minh	Nam	07_DH_QLTN4	138	6.71	2.58	Khá	Quản lý tài nguyên và môi trường
262	0750120169	Nguyễn Thị Mộng	Quỳnh	11/08/2000	Bình Dương	Nữ	07_DH_QLTN4	138	7.23	2.92	Khá	Quản lý tài nguyên và môi trường
263	0750120170	Đoàn Văn Phi	Thắng	19/11/2000	TP. Hồ Chí Minh	Nam	07_DH_QLTN4	138	6.84	2.64	Khá	Quản lý tài nguyên và môi trường
264	0750120173	Huỳnh Trần Tấn	Thiện	28/07/2000	An Giang	Nam	07_DH_QLTN4	138	6.64	2.56	Khá	Quản lý tài nguyên và môi trường
265	0750120175	Huỳnh Nguyễn Hưng	Thịnh	15/07/2000	Tây Ninh	Nam	07_DH_QLTN4	138	7.08	2.81	Khá	Quản lý tài nguyên và môi trường
266	0750120174	Nguyễn Hoàng Đức	Thịnh	26/02/2000	Long An	Nam	07_DH_QLTN4	138	6.62	2.51	Khá	Quản lý tài nguyên và môi trường
267	0750120180	Nguyễn Thị Cẩm	Tiên	21/06/2000	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	07_DH_QLTN4	138	6.94	2.75	Khá	Quản lý tài nguyên và môi trường
268	0750120182	Trần Thị Quế	Trần	21/10/2000	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	07_DH_QLTN4	138	7.24	2.87	Khá	Quản lý tài nguyên và môi trường
269	0750120184	Trần Thị Thanh	Trúc	22/09/2000	An Giang	Nữ	07_DH_QLTN4	138	6.75	2.6	Khá	Quản lý tài nguyên và môi trường
270	0750120187	Võ Ngọc	Tuyền	19/07/2000	Đồng Tháp	Nữ	07_DH_QLTN4	138	6.58	2.53	Khá	Quản lý tài nguyên và môi trường
271	0750120186	Phan Phương	Tuyền	31/05/2000	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	07_DH_QLTN4	138	6.79	2.63	Khá	Quản lý tài nguyên và môi trường
272	0750120192	Hàng Tường	Vy	06/07/2000	Ninh Thuận	Nữ	07_DH_QLTN4	138	6.61	2.52	Khá	Quản lý tài nguyên và môi trường
273	0750120191	Lưu Ngọc Khánh	Vy	25/10/2000	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	07_DH_QLTN4	138	7.02	2.79	Khá	Quản lý tài nguyên và môi trường

STT	Mã sinh viên	Họ Đệm	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Lớp	Số TCTL	Điểm TBC Hệ 10	Điểm TBTL hệ 4	Xếp loại TN	Ngành
274	0750130003	Nguyễn Quang Minh	Đức	12/12/1999	Đồng Tháp	Nam	07_ĐH_QLBĐ	136	6.93	2.74	Khá	Quản lý tài nguyên và môi trường Biển đảo
275	0750130004	Hồ Thị Minh	Hiếu	29/08/2000	Quảng Ngãi	Nữ	07_ĐH_QLBĐ	136	6.43	2.39	Trung bình	Quản lý tài nguyên và môi trường Biển đảo
276	0750130005	Hoàng Khánh	Huy	17/11/2000	Nam Định	Nam	07_ĐH_QLBĐ	136	7.45	2.98	Khá	Quản lý tài nguyên và môi trường Biển đảo
277	0750130012	Nguyễn Thị Huyền	Trần	06/12/1999	Long An	Nữ	07_ĐH_QLBĐ	136	7.06	2.85	Khá	Quản lý tài nguyên và môi trường Biển đảo
278	0750160007	Đinh Thành Thiện	Duy	01/01/2000	TP. Hồ Chí Minh	Nam	07_ĐH_TTNN	136	6.54	2.48	Trung bình	Quản lý tổng hợp tài nguyên nước
279	0750160010	Cao Thị Mỹ	Hạnh	22/06/2000	Đắk Lắk	Nữ	07_ĐH_TTNN	136	6.61	2.5	Khá	Quản lý tổng hợp tài nguyên nước
280	0750160013	Trần Thị Mai	Hồng	18/06/2000	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	07_ĐH_TTNN	136	6.68	2.55	Khá	Quản lý tổng hợp tài nguyên nước
281	0750160035	Trần Thảo	Vy	20/11/2000	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	07_ĐH_TTNN	136	6.57	2.51	Khá	Quản lý tổng hợp tài nguyên nước
282	0750090054	Hồ Thị	Bình	25/10/2000	Lâm Đồng	Nữ	07_ĐH_QTBĐ	134	6.94	2.69	Khá	Quản trị kinh doanh
283	0750090009	Huỳnh Thị Cẩm	Hồng	07/02/2000	Vĩnh Long	Nữ	07_ĐH_QTBĐ	134	7.12	2.85	Khá	Quản trị kinh doanh
284	0750090120	Trần Nhật	Nam	27/06/2000	Quảng Trị	Nam	07_ĐH_QTBĐ	134	6.7	2.6	Khá	Quản trị kinh doanh
285	0750090026	Nguyễn Thái Phương	Nhi	22/05/2000	Lâm Đồng	Nữ	07_ĐH_QTBĐ	134	6.97	2.73	Khá	Quản trị kinh doanh
286	0750090081	Châu Ngọc Phương	Quỳnh	18/04/2000	Tây Ninh	Nữ	07_ĐH_QTBĐ	134	7.38	3.06	Khá	Quản trị kinh doanh
287	0750090085	Nguyễn Hồ Thạch	Thảo	26/01/2000	Tiền Giang	Nữ	07_ĐH_QTBĐ	134	7.45	3.05	Khá	Quản trị kinh doanh
288	0750090041	Nguyễn Hoàng Anh	Thư	20/10/2000	Lâm Đồng	Nữ	07_ĐH_QTBĐ	134	7.01	2.78	Khá	Quản trị kinh doanh
289	0750090141	Nguyễn Cát	Tiên	10/11/2000	Ninh Thuận	Nữ	07_ĐH_QTBĐ	134	6.87	2.68	Khá	Quản trị kinh doanh
290	0750090187	Nguyễn Thị Đào	Tiên	13/12/1999	Tây Ninh	Nữ	07_ĐH_QTBĐ	134	7.21	2.92	Khá	Quản trị kinh doanh
291	0750090189	Lê Vũ Hoàng	Trần	21/10/2000	Tây Ninh	Nữ	07_ĐH_QTBĐ	134	6.63	2.58	Khá	Quản trị kinh doanh
292	0750090094	Mã Minh	Triều	20/06/2000	Bạc Liêu	Nam	07_ĐH_QTBĐ	134	7.85	3.27	Giỏi	Quản trị kinh doanh
293	0750090149	Trần Quang	Vinh	28/05/2000	Đồng Nai	Nam	07_ĐH_QTBĐ	134	6.74	2.59	Khá	Quản trị kinh doanh
294	0750090099	Hà Trần Tường	Vy	14/09/2000	Bình Định	Nữ	07_ĐH_QTBĐ	134	7.25	2.97	Khá	Quản trị kinh doanh
295	0750090056	Nguyễn Thị Mỹ	Diệu	11/10/2000	Bình Thuận	Nữ	07_ĐH_QTTHI	134	7.44	3.05	Khá	Quản trị kinh doanh
296	0750090060	Nguyễn Minh Thiên	Hải	08/06/2000	TP. Hồ Chí Minh	Nam	07_ĐH_QTTHI	134	6.9	2.74	Khá	Quản trị kinh doanh

STT	Mã sinh viên	Họ Đệm	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Lớp	Số TCTL	Điểm TBC Hệ 10	Điểm TBTL hệ 4	Xếp loại TN	Ngành
297	0750090013	Trần Quốc	Khánh	24/01/2000	Bình Thuận	Nam	07_DH_QTTH1	134	7.32	2.97	Khá	Quản trị kinh doanh
298	0750090071	Vương Khánh	Long	23/08/2000	TP. Hồ Chí Minh	Nam	07_DH_QTTH1	134	6.93	2.72	Khá	Quản trị kinh doanh
299	0750090104	Khổng Thị Mai	Anh	12/02/2000	Long An	Nữ	07_DH_QTTH2	134	7.01	2.75	Khá	Quản trị kinh doanh
300	0750090106	Nguyễn Thị	Ánh	15/05/2000	Thanh Hóa	Nữ	07_DH_QTTH2	134	8.06	3.43	Giỏi	Quản trị kinh doanh
301	0750090122	Mạch Tố	Ngân	31/10/2000	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	07_DH_QTTH2	134	7	2.79	Khá	Quản trị kinh doanh
302	0750090131	Trần Thị Như	Quỳnh	11/05/2000	Đồng Nai	Nữ	07_DH_QTTH2	134	6.94	2.72	Khá	Quản trị kinh doanh
303	0750090140	Lương Ngọc	Thúy	24/03/2000	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	07_DH_QTTH2	134	7.01	2.78	Khá	Quản trị kinh doanh
304	0750090142	Huỳnh Thanh	Tiên	06/11/2000	Bình Thuận	Nam	07_DH_QTTH2	134	6.65	2.56	Khá	Quản trị kinh doanh
305	0750090150	Phạm Hải	Yến	24/11/1999	Bình Thuận	Nữ	07_DH_QTTH2	134	6.97	2.76	Khá	Quản trị kinh doanh
306	0750090152	Trương Thị Lan	Anh	14/04/2000	Hà Tĩnh	Nữ	07_DH_QTTH3	134	6.89	2.72	Khá	Quản trị kinh doanh
307	0750090159	Nguyễn Ánh	Đào	20/02/2000	Bình Định	Nữ	07_DH_QTTH3	134	6.95	2.75	Khá	Quản trị kinh doanh
308	0750090163	Nguyễn Thị	Hoài	22/01/2000	Phú Yên	Nữ	07_DH_QTTH3	134	7.06	2.8	Khá	Quản trị kinh doanh
309	0750090167	Nguyễn Huỳnh Công	Khôi	03/10/2000	TP. Hồ Chí Minh	Nam	07_DH_QTTH3	134	6.47	2.46	Trung bình	Quản trị kinh doanh
310	0750090175	Nguyễn Thị Thu	Nguyệt	13/12/2000	Bình Định	Nữ	07_DH_QTTH3	134	7.28	2.91	Khá	Quản trị kinh doanh
311	0750090182	Đặng Văn	Riết	21/02/2000	Tây Ninh	Nam	07_DH_QTTH3	134	6.72	2.59	Khá	Quản trị kinh doanh
312	0750090186	Nguyễn Thị Thu	Thùy	15/01/2000	Đồng Nai	Nữ	07_DH_QTTH3	134	7.33	2.98	Khá	Quản trị kinh doanh
313	0750090191	Huỳnh Công	Trí	07/02/2000	Bình Dương	Nam	07_DH_QTTH3	134	6.82	2.66	Khá	Quản trị kinh doanh
314	0750090207	Lưu Thị Phương	Dung	15/01/2000	Tây Ninh	Nữ	07_DH_QTTH4	134	6.93	2.71	Khá	Quản trị kinh doanh
315	0750090215	Dương Thúy	Kiều	02/10/2000	Bến Tre	Nữ	07_DH_QTTH4	134	7.6	3.15	Khá	Quản trị kinh doanh
316	0750090219	Huỳnh Nhất	Ngân	22/10/2000	Ninh Thuận	Nữ	07_DH_QTTH4	134	6.67	2.55	Khá	Quản trị kinh doanh
317	0750090230	Huỳnh Thị Minh	Tâm	22/10/2000	Phú Yên	Nữ	07_DH_QTTH4	134	6.94	2.71	Khá	Quản trị kinh doanh
318	0750090231	Trình Thị Minh	Thanh	22/12/2000	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	07_DH_QTTH4	134	7.23	2.88	Khá	Quản trị kinh doanh
319	0750090232	Phan Châu	Thành	24/03/2000	Lâm Đồng	Nam	07_DH_QTTH4	134	7.18	2.88	Khá	Quản trị kinh doanh

STT	Mã sinh viên	Họ Đệm Tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Lớp	Số TCTL	Điểm TBC Hệ 10	Điểm TBTL hệ 4	Xếp loại TN	Ngành
320	0750090233	Nguyễn Phan Hiếu	Thảo	31/03/2000	Đồng Nai	Nữ	07_ĐH_QTTH4	134	7.43	3.04	Khá	Quản trị kinh doanh
321	0750090238	Phan Sơn	Thùy	10/04/2000	Đồng Nai	Nam	07_ĐH_QTTH4	134	7.13	2.85	Khá	Quản trị kinh doanh
322	0750090242	Trần Nguyễn Quế	Trần	27/02/2000	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	07_ĐH_QTTH4	134	7.12	2.85	Khá	Quản trị kinh doanh
323	0750050002	Nguyễn Tắt	Dũng	18/09/2000	Kon Tum	Nam	07_ĐH_TV	133	7.32	3	Khá	Thủy văn học
324	0650050005	Bùi Ngọc Chiêu	Thư	22/05/1999	An Giang	Nữ	07_ĐH_TV	133	7.16	2.87	Khá	Thủy văn học

Tổng số: 324 sinh viên